

Phẩm 2: LÔ-XÁ-NA PHẬT

Từ đây trở xuống chính thức trình bày về phần Chánh tông, vẫn có bốn môn phân biệt:

1. Phân rõ tên gọi.
2. Mục đích đưa ra.
3. Trình bày về Tông thú.
4. Giải thích văn.

1) Giải thích tên gọi: Lô-xá-na Trung Hoa nói là rộng lớn trang nghiêm thanh tịnh (quảng bác nghiêm tịnh).

Hỏi: Phẩm này phân rõ về y báo, vì sao thuận theo tên gọi của giáo chủ? Cõi này và giáo chủ là sở y, bởi vì chánh báo ưu việt cho nên nêu người để hiển bày cõi.

2) Mục đích đưa ra: Vì sao đưa ra phẩm này? Bởi vì chúng đã tề tựu rồi, cho nên tiếp đến trình bày về pháp đã biểu hiện.

3) Phân rõ về Tông thú, có hai: Một là Nhân, hai là Pháp.

Nhân có hai, đó là người chủ động tiến hành và người thụ động tiến hành, đều có Thể-Tướng-Dụng, các Hội sau đều đồng nhất dựa theo Xứ và Hội phân ra khác nhau mà thôi. Thể của người chủ động tiến hành là dùng pháp trí chứng đạt từ bên trong làm Thể, bảy ngày tư duy vui mừng để hiển bày về đức Tướng, tiến hành thuyết giảng là Dụng. Thể của người thụ động tiến hành giúp đỡ giáo hóa là lấy nhập định làm Thể, được tiến hành là Tướng, bắt đầu thuyết giảng là Dụng; Hội khác cao thấp hơn kém theo đó có thể hiểu mà thôi.

Pháp là lấy bốn loại Tịnh độ làm tông của hội này, nhưng cũng có thể là pháp giới và thế giới hải làm tông. Pháp ấy dùng Chân như làm Thể, đức riêng biệt làm Tướng, lợi ích cho vật là Dụng.

4) Giải thích văn có hai: Một là đối với Hội, hai là tùy theo Phẩm.

Một là đối với Hội, phẩm Lô-xá-na này, quả mở rộng mà nhân tóm lược, cho nên thuộc về quả đức, hai Danh hiệu về sau thì nhân mở rộng mà quả tóm lược, cho nên phân định là nhân hạnh.

Lại có cách phân định khác, như Hội thứ hai đầu tiên là giải thích; hai là dựa vào phẩm phân tích có ba: Một, đến phẩm Quang Minh Giác... là phần nêu ra quả khuyến khích vui mừng phát sinh niềm tin; hai, từ phẩm Minh Nạn trở xuống là phần trình bày tu nhân hợp quả phát sinh hiểu biết; ba, từ phẩm Ly Thế Gian trở xuống là phần phân rõ dựa vào duyên tu hành thành tựu đức.

Sở dĩ cần phải như vậy, là vì căn thiện của chúng sanh mỏng manh ít ỏi tín tâm khó phát khởi. Trong phẩm này Phật tiến hành nói về y quả Tịnh độ cho Bồ-tát Phổ Hiền. Trong Hội thứ hai, Bồ-tát Văn Thù nhờ vào uy lực nói đến ba nghiệp của Phật trình bày về chánh báo ấy, dùng y báo-chánh báo thù thắng này để phát khởi tín tâm. Đã phát khởi tín tâm rồi, tiếp theo cần phải nói pháp cho nghe để giúp họ khởi lên hiểu biết, cho nên phẩm Minh Nạn trở xuống mở rộng phân rõ về hành tướng khuyến khích nương tựa. Đã thấy pháp rõ ràng, tiếp theo cần phải khuyến khích nương tựa phát khởi thực hành thì sẽ có đạt được, cho nên phẩm Ly Thế Gian trở xuống trình bày về phần dựa vào duyên thành tựu đức; cũng có thể dựa vào Hội phân văn xác định mà thôi, nghĩa còn lại có thể biết.

Lại dựa vào kinh Anh Lạc nói: Hội thứ nhất trình bày về thế giới và pháp giới hải, Hội thứ hai trình bày về Tịnh độ. Đây là dựa vào kinh phân định rất tuyệt diệu, văn có ý này, rất cần phải suy nghĩ chọn lựa, đến văn sẽ biết.

Tiếp theo dẫn chứng thứ hai, như phẩm Phật Quốc của kinh Duy Ma ở trước đây. Như vậy không phải là một có thể biết.

Toàn bộ Phẩm này phân hai:

1. Tổng quát giải thích tất cả.
2. Riêng biệt dựa theo văn phân rõ.

1) *Tổng quát có hai*: Một, giáo năng thuyết; hai, pháp sở thuyết. Nghĩa của pháp không nhất định, giải thích rộng ra như trong phần bốn mươi vô ngại biện tài...

2) *Riêng biệt dựa theo văn phân rõ có hai*: Một, Đại chúng sinh khởi ý niệm trình bày sự nghi ngờ; hai, từ “Nhĩ thời Thế Tôn tri chư Bồ-tát tâm...” trở xuống trình bày về tướng trả lời. Dựa vào ban đầu thưa hỏi để phân tích về tám Hội, các câu hỏi không giống nhau, tức là phần thứ tư trong mười môn. Ở đây tóm lược có ba: Một, phân rõ về có-không; hai, trình bày về pháp môn mở rộng tóm lược trước sau; ba, phân rõ về người hỏi nhiều ít không như nhau.

Một là có-không, hai Hội đầu và ba Hội cuối bắt đầu có câu hỏi. Nguyên cơ thứ nhất là bởi vì hỏi chung về hai pháp nhân quả, nguyên cơ thứ hai là lại hỏi về pháp hành ban đầu, nguyên cơ thứ ba là hỏi về giống và khác nhau trong tu hành, còn lại dựa theo văn phân rõ.

Tiếp theo dựa vào trong văn giải thích về nghi vấn phân hai: Một, trường hàng; hai, kệ tụng. Trường hàng có ba: Một, nêu ra người chủ động hỏi phát khởi ý niệm; hai, từ “Hà đẳng...” trở xuống là chính thức

thưa hỏi; ba, từ “Duy nguyện...” trở xuống là kết thúc thưa hỏi.

Trong thưa hỏi có hai mươi ba câu hỏi, nhưng Đức Phật làm trước thành ra mười bốn câu phân hai: Một, hai mươi một câu hỏi về pháp đạt được quả; hai, từ “Nhất thiết Bồ-tát...” trở xuống là hỏi về pháp của nhân dựa vào văn của quả.

Theo văn trả lời về năm biển-mười trí về sau có năm đoạn: Một, mười hai câu trình bày về Thể sai biệt của quả ba thân, nhưng nếu dựa vào Nhất thừa thì tức là Thể-Đức-Dụng, còn lại dựa theo đó; hai, một câu thể giới hải phân rõ về y quả Tịnh độ; ba, một câu chúng sinh hải phân rõ về chúng sinh đã giáo hóa; bốn, một câu pháp giới phương tiện phân rõ về thuốc pháp hóa độ chúng sinh; năm, từ “Phật hải...” trở xuống là sáu câu phân rõ nghĩa về tác dụng thâm nhiếp hóa độ của quả đức.

Một, mười hai câu văn phân ba: Một, bốn câu đầu phân rõ về đức của Pháp thân; hai, từ “Phật lực...” trở xuống năm câu phân rõ về đức của Báo thân; ba, từ “Phật nhãn...” trở xuống ba câu trình bày về đức của Hóa thân. Đây là dựa theo văn xác định của ba Thừa mà thôi. Phật địa là bởi vì quả vị phát sinh các đức. Cảnh giới Phật là phạm vi giới hạn. Phật trì là Pháp thân duy trì các đức. Phật hạnh là hạnh nghiệp.

Văn phần Hóa thân thì mất-tai... phân rõ về thân nghiệp, Phật phóng ánh sáng... là phân rõ về khẩu nghiệp, Phật trí hải là phân rõ về ý nghiệp.

Từ “Phật hải...” trở xuống sáu câu trong văn tác dụng giáo hóa, ba câu đầu phân rõ về tác dụng giáo hóa của Báo Phật, ba câu sau phân rõ về tác dụng giáo hóa của Hóa Phật.

Ngay phần hỏi về nhân phân hai: Một, biển tu hành của tất cả Bồ-tát là tổng quát; hai, riêng biệt.

Văn phần riêng biệt phân hai: Một, tâm Đại thừa... là phân rõ các loại như Tín-Lạc... của Địa tiền làm nhân; hai, từ “Xuất sinh chư độ...” trở xuống phân rõ về công hạnh của Địa thượng, tức là thâm nhiếp mười Độ, Ba-la-mật tức là sáu Ba-la-mật, Nguyện tức là phương tiện Nguyện, Trí tức là Trí lực.

Văn tụng có hai: Một, trường hàng; hai, kệ tụng. Kệ có mười tám, kệ là theo Địa Luận ở đây gọi là khẩu nghiệp. Trong đó phân ba: Sáu kệ đầu là tổng quát ca ngợi thưa thỉnh, tiếp theo mười một kệ rưỡi là văn thưa thỉnh trong tụng, tiếp theo nửa kệ là kết thúc sự thưa thỉnh trên.

Trong văn sáu kệ trước thưa thỉnh phân ba: Một kệ đầu là đức Tự lợi trọn vẹn, tiếp theo ba kệ là đức Lợi tha trọn vẹn, hai kệ cuối cùng là

căn khí thích nghe. Dựa vào mười một câu khéo léo tóm lược cho nên không thể hết được, tám tụng đầu là mười hai câu về ba thân, tiếp theo một tụng từ “Thế giới hải...” trở xuống là ba câu, tiếp theo hai tụng từ “Thượng Phật hải...” là sáu câu và nhân hạnh... là hai câu.

Tiếp đến phần thứ hai trình bày về tướng trả lời, văn phân bảy: Một, phân rõ phóng ánh sáng quy tụ đại chúng trình bày về phần Tựa; hai, từ “Nhĩ thời Phổ Hiền tức nhập tịnh tạng định...” trở xuống là phần Tam-muội; ba, từ “Phổ Hiền nhập định dĩ...” trở xuống là phân rõ phần gia hộ; bốn, từ “Đại chúng đồng thanh...” trở xuống là phần thừa thỉnh; năm, từ “Nhĩ thời Phổ Hiền Bồ-tát thừa Phật thân lực dĩ...” trở xuống là trình bày về phần căn bản; sáu, từ “Nhĩ thời Phổ Hiền tụng định...” trở xuống là phân rõ về phần phát khởi; bảy, từ “Nhĩ thời Phổ Hiền Bồ-tát dục linh chúng hoan hỷ...” trở xuống là trình bày về phần tuyên thuyết. Văn phân hai: Một, mở rộng nghi thức tập chúng thuyết giảng; hai, từ “Như thử Tứ Thiên hạ dĩ...” trở xuống là kết thúc tất cả bình đẳng.

Văn phân một có bốn: Một, phóng ánh sáng; hai, tập chúng; ba, nêu rõ cho đại chúng để biết người thuyết pháp; bốn, từ “Ư bỉ hữu liên hoa sinh...” trở xuống là hiển bày về nghi thức phép tắc thuyết giảng.

Tiếp là phần phóng ánh sáng có hai ý: Một, hiện tướng biểu hiện chân thật; hai, phát khởi tín tâm của đại chúng. Hai ý của văn này nối thông đến Hội sau, vì vậy phóng ánh sáng lần đầu liền trình bày, kệ tụng trong các Hội phóng ánh sáng quy tụ đại chúng có ba nghĩa không giống nhau. Đây tức là lần thứ năm trong mười lần.

Phần quy tụ đại chúng thuyết kệ đối với văn phân rõ, trong Tựa của các Hội hiển bày về hiểu biết-thực hành pháp và đức vị cạn sâu không giống nhau. Nhưng ba Hội thứ sáu-bảy-tám không có phóng ánh sáng quy tụ đại chúng. Sở dĩ Hội thứ sáu không phóng ánh sáng, bởi vì hễ phóng ánh sáng là biểu hiện cho chúng quy tụ qua lại..., Địa tiền thế gian cho nên có qua lại, Địa thượng chứng được Thể vô lậu không còn tánh ấy, nơi chốn không có thể thâm nhiếp mà quy tụ ở nơi khác, nhưng có thể cùng nhau tiến hành hiển bày sâu xa mới nói. Hội bảy-tám không phóng ánh sáng, bởi vì phát khởi ánh sáng vốn là để hiển bày quy tụ đại chúng làm sáng tỏ giáo pháp, pháp của hai Hội sau đã hiển bày trước, nay y theo tu hành cho nên không cần phóng ánh sáng. Nhưng phóng ánh sáng trong phần chánh thuyết của Hội thứ tám kia, là vì trình bày về phạm vi thâm nhiếp làm lợi ích của quả đức, chứ không phải vì quy tụ đại chúng. Vả lại, Hội thứ bảy là pháp chỉ tương ứng với cảnh giới chứng hành, phân rõ về tín chứ không phải là nói về sự có

thể chứng thành, cho nên không có ánh sáng và không có đại chúng quy tụ. Lại nữa, một là Hội thứ nhất phóng ánh sáng vì quy tụ chúng chứng kinh; hai là phẩm Quang Minh Giác hiển bày về pháp nương tựa cạn-sâu, nối thông về sau làm quy phạm; ba là Hội thứ ba trở đi ba Hội phóng ánh sáng để hiển bày ngay phần vị đạt được phạm vi của lý. Lại hỏi về Hội thứ sáu thì phóng ánh sáng và quy tụ chúng đều không có, là bởi vì muốn hiển bày phần vị của đức vô lậu không có thể dùng sự để làm sáng tỏ.

Văn phần phóng ánh sáng phân hai: Một, khuôn mặt là thân nghiệp; hai, trong ánh sáng phát ra âm thanh nói kệ là khẩu nghiệp. Bởi vì Liên Hoa Tạng Hải không phải là con người đến được, cần phải tiến hành phóng ánh sáng thì mới có thể thấy, cho nên khuôn mặt phóng ánh sáng là biểu hiện đích thực hướng về giáo đạo rộng mở được thuyết ra. Nói diện môn là dung mạo đích thực của khuôn mặt chứ không phải là khác với miệng, vì lẽ đó mỗi một chiếc răng biểu hiện có thể hướng về giúp đỡ thiết lập thành tựu công hạnh.

Ngay trong văn phóng ánh sáng có năm: Một, phân rõ về sở y; hai, tổng quát nêu ra mười môn; ba, từ “Như thị đẳng...” trở xuống là phát ra ánh sáng của hàng quyến thuộc; bốn, từ “Hậu nhất nhất quang...” trở xuống phân rõ về công dụng; năm, hiển bày ánh sáng thâm nhiếp lợi ích.

Mười môn ánh sáng phân ba: Sáu môn đầu là tướng Chánh báo của Pháp thân, tiếp theo hai môn trình bày về tướng Y báo Tịnh độ, tiếp theo hai môn trình bày về tướng thâm nhiếp giáo hóa.

Văn tụng có mười chín kệ phân ba: Mười kệ đầu ca ngợi đức hạnh khéo léo có thể khai mở giác ngộ của Phật; tiếp theo bảy kệ khuyến khích đến nơi Đức Đạo Sư phát khởi cúng dường, tức là đi đến chỗ Phật; tiếp theo hai kệ là trở lại ca ngợi đức dụng nội chứng sâu rộng của Phật, phát sinh mong muốn thù thắng của vật.

Ngay trong văn thứ hai là quy tụ chúng mới, một là trình bày về các Hội có-không, hai là tiếp theo phần văn có-không, có bốn: Một, có-không; hai, nơi đến xa gần; ba, danh hiệu Phật và tên gọi Bồ-tát của bốn xứ không như nhau; bốn, cúng dường nhiều ít.

Một là có-không: Chỉ ở cõi trời Tha Hóa thuyết về Thập Địa, và trở lại Hội này là hai nơi không có chúng mới. Đại chúng quy tụ có bốn ý: Một là biểu hiện căn cơ đã thâm nhiếp, hai là chứng pháp, ba là phát khởi cúng dường, bốn là trình bày về chúng quy tụ đầy đủ. Những ý như vậy cho nên có thể biết, Hội thứ tám ấy nhất định quy tụ sau, biểu

hiện hiểu biết phương tiện khéo léo khiến cho mình và người tiến vào pháp giới, không phải vì hiển bày về pháp, cũng có thể là hiển bày tác dụng thâm nhiếp người khác chứ không phải là chứng minh về nghĩa của mình, vẫn là chúng quy tụ để chứng minh về pháp mà thôi.

Hai là phân rõ chúng đến từ xa-gần: Mười-một trăm-một ngàn... như văn, nghĩa còn lại đối chiếu văn giải thích. Quy tụ chúng có bốn tướng: Một, tên gọi xứ sở làm sáng tỏ pháp tướng; hai, danh hiệu Phật hiển bày hiểu biết; ba, tên gọi Bồ-tát trình bày về phần vị trước sau; bốn, tên gọi của tòa phân rõ tác dụng thâm nhiếp lợi ích của pháp. Ở đây chỉ giới hạn về chúng mới, chúng còn lại thì gồm chung.

Trong văn về chúng mới ở mười phương, có năm: Một, chúng đến đây đầy đủ; hai, từ “Như thị đẳng...” trở xuống là tổng kết; ba, Bồ-tát theo thứ tự ngồi xuống đều hiển bày đã đạt được pháp môn, hiển bày có đức giáo hóa; bốn, từ “Niệm niệm trung ư nhất nhất thế giới...” trở xuống trình bày về duyên khởi lực dụng tự tại giáo hóa chúng sinh; năm, trình bày về nói kệ.

Văn phần một trong mười phương đều có bảy phần: Một, nơi chốn; hai, cõi Phật; ba, danh hiệu Phật; bốn, tên gọi Bồ-tát ấy được Phật ấy khai mở giác ngộ; năm, cho thị giả cùng đến; sáu, đưa ra vật dụng cúng dường để cúng dường Phật; bảy, đều ngồi theo phương của mình.

Văn phần hai kết thúc mười ức cõi Phật đều có mười ức Bồ-tát đến, đây là Thể của các cõi nước giống nhau không khác. Tên gọi cõi nước chúng sanh này không giống nhau, là bởi vì biểu hiện quả đức luôn luôn thâm nhiếp lợi ích trong pháp hiện tại sai biệt không giống nhau.

Văn phần ba có sáu: Một, ngồi rồi; hai, lỗ chân lông phát ra ánh sáng; ba, trong ánh sáng xuất hiện Bồ-tát; bốn, Bồ-tát phương tiện khắp nơi các mảy trần; năm, trong mỗi một mảy trần có cõi Phật; sáu, trong mỗi một cõi có Phật thị hiện. Đây là sự việc chân thật chứ không phải là tạm thời hóa hiện.

Văn phần bốn có ba: Một, phân rõ về chúng sanh đã giáo hóa; hai, từ “Dĩ mộng tự tại pháp môn...” trở xuống phân rõ về pháp chủ động giáo hóa, đầu là phân rõ, tiếp là kết luận; ba, từ “Ư nhất niệm khoảnh...” trở xuống phân rõ về giáo hóa thành tựu lợi ích. Ngay văn thành tựu lợi ích có sáu câu:

- 1) Lợi ích trời người.
- 2) Lợi ích nội phạm.
- 3) Lợi ích thành tựu mười Quả Hưởng.

- 4) Lợi ích khiến cho thành tựu mười Hồi Hương trở về sau.
- 5) Lợi ích khiến cho đạt được bảy Địa trở về sau.
- 6) Lợi ích thành tựu tám Địa trở lên.

Văn tụng thứ năm có hai: Mười kệ đầu khen ngợi Bồ-tát mười phương trước đây từ lâu tu hạnh thù thắng đến đây, mười kệ sau khen ngợi Bồ-tát theo thứ tự ngôi xuống trước đây và văn về lợi ích chúng sinh.

Trong mười kệ trước phân ba: Hai kệ đầu phân rõ đức của Bồ-tát; tiếp theo có năm kệ phân rõ có thể cứu giúp chúng sinh lìa khổ; tiếp theo có ba kệ là do đức thành tựu, cho nên có thể đi khắp mười phương cõi Phật, hiển bày khả năng thù thắng của Bồ-tát.

Mười kệ sau gồm chung văn khen ngợi Bồ-tát theo thứ tự ngôi xuống, đã đạt được pháp môn, có đức giáo hóa... trước đây, tướng còn lại có thể biết.

Thứ ba là Phật nêu rõ Bồ-tát Phổ Hiền khiến cho biết người thuyết pháp để đại chúng cung kính thừa thỉnh, văn có bốn: Một, phân rõ về ý phóng ánh sáng làm lợi ích; hai, chính thức phóng ánh sáng, phần này có năm câu có thể biết; ba, chính thức nêu rõ nơi ánh sáng chiếu đến; bốn, từ dưới chân đưa vào thâm nhiếp dụng trở về gốc, hiển bày sự dung thông của nhân quả.

Thứ tư là xuất hiện hoa sen và Bồ-tát, hiển bày trong nghi thức thuyết pháp có ba: Một, hoa xuất hiện ở đạo tràng, cũng có thể là lần lượt theo nhau, phần này có bảy câu, đây là hiển bày phạm vi thâm nhiếp giáo hóa; hai, từ giữa chặng mây của Phật xuất hiện một vị Đại Bồ-tát, dựa theo người hiển bày về giáo; ba, thuyết kệ ca ngợi là trình bày về phạm vi của giáo.

Ngay trong phân hai là xuất hiện Bồ-tát, có bảy: Một, phân rõ nơi chốn; hai, trình bày về người đã xuất hiện; ba, nêu ra tên gọi; bốn, quyến thuộc; năm, xuất hiện rồi cung kính vây quanh chỗ ngồi; sáu, lui về an tọa có hai; bảy, từ “Thành tựu...” trở xuống là ca ngợi đức của người đã xuất hiện, phần này có bốn câu.

Phần ba thuyết kệ có hai: Một, Bồ-tát Thắng Âm nói sáu kệ ca ngợi Hóa thân Phật ứng với căn khí tự tại, và hiển bày phạm vi của pháp, tức là hiển bày về đức của giáo thanh; hai, Sư Tử Diệm Quang Phấn Tấn nói mười bảy kệ, tổng quát ca ngợi Lô-xá-na và Phổ Hiền có thể giống như chư Phật, và phân rõ về tướng chuyển pháp luân, tức là hiển bày về oai đức của giáo mà thôi.

Tụng đầu phân ba: Hai kệ đầu trình bày về ý Hóa thân đầy khắp

pháp giới hiện rõ trước mắt chúng sinh, tiếp theo hai kệ hiện rõ tác dụng thuyết pháp cũng là phạm vi của giáo, tiếp theo hai kệ là oai đức khó nghĩ bàn.

Thứ hai trong kệ của Bồ-tát Phấn Tấn: Ba kệ đầu phân rõ Lô-xá-na tự tại chuyển pháp luân, tiếp theo mười bốn kệ trình bày về ba nghiệp chuyển, tức là duyên có đủ. Đây là trình bày dựa theo duyên hiển bày ba loại pháp luân. Văn phần đầu có bốn: Một, nửa kệ là tổng quát hiển bày; hai, nửa kệ phân rõ về Thể của luân; ba, một kệ trình bày tùy theo nơi chốn thích hợp mà chuyển; bốn, một kệ trình bày về tướng của nghĩa mà thôi.

Pháp luân có bốn loại:

- 1) Giáo.
- 2) Hạnh.
- 3) Lý.
- 4) Sự.

Hỏi: Chuyển pháp luân này cùng với ba chuyển mười hai hành luân của ba Thừa khác nhau thế nào?

Đáp: Ở đây chỉ một chuyển trở thành mười hành, đó gọi là một chuyển vô tận chuyển, nói rộng ra như sau. Vả lại, trong kinh Phật Bản Hạnh nói: “Phật vào xế chiều của ngày 12 trong mười lăm ngày đầu tháng có sao Ki, lúc quá nửa bóng người khó được, ngồi quay mặt về hướng Bắc, vào lúc sao Quỷ và sao Phòng xuất hiện, chuyển Phạm pháp luân.”

Ngay trong phần hai là mười bốn kệ, sáu kệ đầu trình bày về ý nghiệp giáo hóa, tiếp theo bốn kệ phân rõ về thân nghiệp giáo hóa, tiếp theo bốn kệ phân rõ về khẩu nghiệp giáo hóa. Nhưng giải thích có bảy: Một, hai kệ tổng quát phân rõ về hạn lượng của nhân quả phát khởi giáo hóa; hai, có hai kệ phân rõ về thân nghiệp; ba, có hai kệ trình bày về khẩu nghiệp ấy; bốn, có hai kệ trình bày về ý nghiệp; năm, hai kệ trở lại phân rõ phạm vi của thân; sáu, hai kệ trở lại trình bày về khẩu; bảy, hai kệ trở lại trình bày về ý.

Thứ hai trình bày về Thể của pháp thuộc phần Tam-muội, tức là cung kính tiếp theo Phật lực, được gia hộ để phát khởi, trong đó có hai: Một, phân tích dựa theo các Hội; hai, giải thích văn.

Phân tích phân bốn, tức là lần thứ sáu: Một, có-không là nhập định để biểu hiện pháp sâu xa, chỉ riêng Hội thứ hai do đối với căn cơ cạn cợt, cho nên pháp không có thể sâu xa; lại là trú trong phương tiện không có Thể thuộc phần vị của mình, cho nên không nhập định, bởi vì

pháp đối với căn cơ phần vị. Hai, trở lại nhập định-không trở lại nhập định, Hội thứ nhất có nghĩa trở lại, Hội khác không có; cũng có thể không trở lại bởi vì phần căn bản này nói trong Định, cho nên về sau giải thích riêng biệt mà thôi. Ba, Thể của nhân quả khác nhau, trình bày trong Hội thứ nhất-thứ bảy và thứ tám, là Định của Phật, trong Hội thứ ba-bốn-năm-sáu đều là Định của Bồ-tát. Vì sao? Bởi vì Hội thứ nhất là Vô cấu như tạng, là Thể thanh tịnh cho nên nhập định Tịnh Tạng, Hội thứ bảy thành thực quả hành tự lợi cho nên nhập định Phật Hoa Nghiêm, đây là nói theo Hóa chủ. Nếu dựa theo hành giả thì nhân là tu-quả là Hoa Nghiêm, vì tu từ lúc bắt đầu cho nên hai lần thuyết ở Phổ Quang. Hội thứ tám là giải thoát pháp giới, quả Lợi tha đầy đủ, cho nên Phật tự nhập định Sư Tử Phấn Tấn, đây cũng là dựa theo Hóa chủ. Nếu dựa theo tu hành thì biểu hiện nhờ vào người khác làm cảnh để kiến chí lập thân. Vả lại, ba Hội này đã hiển bày pháp đều gồm chung nhân quả, cho nên nhập định của quả mà thôi. Bốn Hội trung gian nhập định của nhân, đối với văn mới giải thích. Bốn, người chủ động nhập khác nhau, trong bảy Xứ nhập định thì sáu Hội trước trình bày về Bồ-tát nhập định, vì làm sáng tỏ về phần kế lý, cũng trình bày về sự vui mừng nhờ vào người khác. Hội thứ tám Phật tự nhập định là trình bày về Thể của quả cứu cánh giải thoát pháp giới chỉ riêng Phật có thể cùng tận, cũng có thể nêu ra Phật để hiển bày về giới hạn của pháp; cũng đối với Phật để hiển bày về phạm vi đã biết của mọi người, ý còn lại phân rõ ở phần sau.

Tiếp theo dựa vào văn giải thích phân ba: Một, phân rõ Phổ Hiền nhập định Tịnh Tạng; hai, soi chiếu chư Phật không ngại, trong này Trí Đoạn phân hai; ba, từ “Ư thử dĩ...” trở xuống phân rõ Định giống như chư Phật đã đạt được, cũng có thể kết luận gồm chung.

Thứ ba từ “Nhập thị Tam-muội...” trở xuống là trình bày về Phật gia hộ, văn phân hai: Một, Nhân là phân tích sự gia hộ sai biệt của các Hội, tức là lần thứ bảy; hai, giải thích văn. Phần phân tích có hai: Một, phân rõ về có-không; hai, phân rõ chư Phật xa gần và danh tự nhiều ít có khác.

Có-không, là Hội thứ hai-bảy-tám không trình bày về chư Phật gia hộ. Vì sao? Bởi vì gia hộ là quả thâm nhiếp làm lợi ích khiến cho phần vị dưới-trí kém cõi có được khả năng có thể nói pháp của phần vị trên và phát khởi công hạnh thắng tiến. Hội thứ hai là phân rõ căn cơ ban đầu không nhất định, phòng ngừa sự tiến tới-lùi lại cho nên không nhập định, bởi vì biểu hiện về pháp rất sâu xa. Vả lại, người không nhập định xem xét thấy rõ pháp cho nên không gia hộ. Hội thứ bảy có

hai: Một, tức là Hội này thực hành về pháp sở y không khác với các Hội trước; hai, trình bày về hành giả phát khởi tu tập thô-tế không nhất định. Hội thứ tám phân rõ về Phật tự nhập Tam-muội, quả giải thoát pháp giới vô cùng tròn đầy, cho nên không nhờ gia hộ. Tiếp theo danh hiệu Phật không giống nhau là hiển bày về đức sai biệt.

Tiếp đến dựa vào văn giải thích phân ba: Một, miệng gia hộ và phân rõ cho đến gia hộ bằng việc làm; hai, từ “Nhĩ thời nhất thiết chư Phật dữ...” trở xuống trình bày về ý gia hộ cùng với trí; ba, từ “Nhĩ thời thập phương...” trở xuống trình bày về thân gia hộ xoa đánh cùng với sự Vô úy. Nhưng văn này phân hai: Một, phân rõ nhập định cho nên gia hộ; hai, từ “Sở vị...” trở xuống phân rõ về gia hộ bằng việc làm, tức là tướng gia hộ.

Văn phần một có ba: Một, vì gia hộ cho nên chư Phật hiện thân; hai, từ “Bỉ chư Như Lai...” trở xuống ca ngợi về nhập định sâu xa có năng lực thuyết pháp; ba, từ “Thị giai...” trở xuống trình bày về nguyên cố ca ngợi gia hộ.

Trong văn về miệng gia hộ phân ba: Một câu là tổng quát, tiếp theo hai câu phân rõ về Thể của hạnh tự-tha, tiếp theo bảy câu trình bày về Dụng của hạnh lợi tha.

Ý gia hộ phân ba: Đầu một câu là tổng quát, tiếp theo riêng biệt phân rõ về mười trí, tiếp theo từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về thành tựu.

Đầu tiên là văn mười trí, ba trí trước là tự lợi, bảy trí sau là lợi tha. Mười trí này cùng với mười trí sau phần nhiều giống nhau. Vì sao đã nói về quả đức mà Phật không tự thuyết ra, bởi vì đây là biểu hiện về quả thù thắng-nhân kém cõi cho nên có thể hạn định. Vả lại, bởi vì Phổ Hiền đạt được Định, vốn là trưởng tử, là vị đứng đầu đại chúng, đầy đủ hạnh nguyện của Phật Lô-xá-na, bởi vì bốn nguyện. Vả lại, bởi vì lực thuộc căn thiện của mình, theo phần sau ở đây phải có xoa đánh rồi lập tức xuất định. Nay tóm lược không có xuất định, về sau mới trình bày về xuất định, và ý lợi ích có thể biết mà thôi. Vì vậy trình bày về các Hội xuất định thuyết pháp ông giống nhau, tức là lần thứ tám.

Trước phân rõ về khởi định không giống nhau, các Hội thuyết pháp đối với văn mới phân rõ. Hội thứ tám có nhập không có xuất, bởi vì biểu hiện nhập pháp giới cho nên không có trở lại. Hội thứ hai xuất-nhập đều không có. Hội thứ nhất thì văn không nhất định, cũng có thể quán cả chân tục, hoặc là người viết văn đan xen, các Hội còn lại có đủ xuất nhập vậy thôi.

Thứ tư Bồ-tát đồng thanh trở lại thỉnh cầu Bồ-tát Phổ Hiền, tức là phần thưa thỉnh, văn phân hai: Đầu là trường hàng vì văn ít thảo nào có ý không nói, sau là văn thưa thỉnh. Bồ-tát Phổ Hiền vì trước đây chỉ có chúng của mình thưa thỉnh, chưa có chúng mới-cũ cùng nhau thưa thỉnh, bởi vì thưa thỉnh không đầy đủ cho nên không nói mà thôi.

Tụng thưa thỉnh có hai mươi kệ phân hai: Một, ca ngợi đức thưa thỉnh; hai, hai kệ sau cùng là kết thúc thưa thỉnh. Văn ca ngợi đức thưa thỉnh có năm: Hai kệ đầu phân rõ Phổ Hiền từ lâu ở nơi chư Phật đã tu các nguyện hạnh, cho nên dựa vào Đại nguyện vì chúng liền nói; tiếp theo bốn kệ phân rõ Phổ Hiền thường thấy chư Phật ở trong cõi trần thuận theo cùng thị hiện thuyết pháp, cho nên nay thuận theo mà nói; tiếp theo sáu kệ phân rõ Phổ Hiền từ lâu thành tựu định lực biết tất cả căn khí của chúng sinh, có thể rộng ra vì họ mà nói, cho nên cùng ở nơi ấy nguyện vì đại chúng mà nói; tiếp theo bốn kệ phân rõ về ba nghiệp của Phổ Hiền, có thể làm mây mưa lợi ích cho chúng sinh, vì sao không nói; tiếp theo hai kệ chính thức nêu ra hai cõi Tánh-Báo là mười Lực tu tập đạt được, khuyến khích thuận theo căn cơ mà nói; cuối cùng hai kệ là kết thúc thưa thỉnh. Vì lẽ đó chỉ trong Thập Địa có đủ gia hộ-thưa thỉnh để thành tựu nhân chứng được pháp hành, còn lại thì không như vậy.

